TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH HƯNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 02/2020/KDTM-ST Ngày: 14-9-2020 V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị The

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Phượng
Ông Lâm Hồng Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 01/2020/TLST-KDTM ngày 21/7/2020 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-KDTM ngày 01/9/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn U. Địa chỉ: Ấp 5, xã Đ, huyện H, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trương Thị Thủy T - Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Lộc H, sinh năm 1962. Địa chỉ: 304C1 đường T, Phường 6, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo văn bản ủy quyền ngày 13/7/2020)

- *Bị đơn*: Ông Võ Thành T, sinh năm 1976 - Chủ hộ kinh doanh H. Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện V, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Thành C, sinh năm 1956. Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Long An. (Theo văn bản ủy quyền ngày 27/7/2020)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Võ Thị Trâm A - Chủ hộ kinh doanh H2. Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn H, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Thành C, sinh năm 1956. Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Long An. (Theo văn bản ủy quyền ngày 11/9/2020)

2. Ông Lê Văn T, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp Tr, xã A, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/7/2020 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ông Võ Thành T là chủ hộ kinh doanh H có giao dịch và mua thuốc bảo vệ thực vật do Công ty Trách nhiệm hữu hạn U (gọi tắt là Công ty) sản xuất - phân phối từ năm 2013. Ngày 01/10/2015, Công ty và ông Võ Thành T thống nhất việc mua bán và giao hàng, Công ty sẽ giao hàng cho ông Võ Thành T tại H - địa chỉ ấp K, xã T, huyện V, tỉnh Long An, việc thỏa thuận này được ghi bằng biên bản. Trước thời điểm này việc giao dịch mua bán giữa Công ty và ông T là H12 (huyện T, tỉnh Long An), cửa hàng này cũng do ông Võ Thành T làm chủ.

Ngày 07/7/2016, sau khi đối chiếu công nợ, ông Võ Thành T xác nhận còn nợ Công ty số tiền là 544.187.000 đồng. Sau khi đối chiếu xác nhận nợ hai bên tiếp tục giao dịch mua bán như sau:

Công ty bán cho ông Võ Thành T từ ngày 07/7/2016 đến 12/02/2019 tổng số tiền 2.237.984.400 đồng và nợ cũ 544.187.000 đồng, tổng là 2.782.171.400 đồng. Từ ngày 07/7/2016 đến 12/02/2019 ông T trả cho Công ty số tiền 2.628.554.000 đồng nên còn nợ 153.617.400 đồng. Công ty thường xuyên liên hệ thu hồi số nợ trên nhưng không được và thời gian gần đây ông T không có thiện chí hợp tác để Công ty thu hồi nợ.

Công ty khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền 153.617.400 đồng và lãi phát sinh do chậm thanh toán, tiền lãi được tính từ ngày 14/01/2016 đến ngày 10/7/2020, lãi suất 1%/tháng, với tổng số tiền lãi là 76.968.963 đồng.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Công ty đồng ý cấn trừ tiền cọc nhãn cho Hộ kinh doanh H2 số tiền 53.501.000 đồng. Yêu cầu ông Võ Thành T thanh toán số tiền 100.116.400 đồng cùng tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng từ ngày 07/7/2016 đến nay (14/9/2020) là 50.294.324 đồng. Tổng số tiền yêu cầu trả là 150.410.724 đồng.

Bị đơn ông Võ Thành T trình bày tại bản tự khai ngày 28/7/2020 và tại phiên tòa người đại diện của ông T trình bày:

Ông Võ Thành T có mua thuốc bảo vệ thực vật của Công ty Trách nhiệm hữu hạn U. Tổng số tiền nợ cũ và nợ mới là 2.782.171.000 đồng. Ông đã trả số tiền 2.628.544.000 đồng, còn những lần ông trả tiền và trả lại thuốc (có biên nhận) nhưng Công ty không có trừ vào phần công nợ. Số tiền trả không ghi vào công nợ và trả lại thuốc là 458.296.000 đồng. Cụ thể:

Trả có biên nhận nhưng không trừ vào công nợ: Ngày 16/01/2018 trả 113.280.000 đồng; ngày 19/01/2018 trả 113.280.000 đồng, ngày 20/3/2018 trả 107.616.000 đồng, ngày 25/02/2019 trả 100.320.000 đồng. Trả lại thuốc: Trả thuốc sạch bóng cỏ là 11.625.000 đồng, trả thuốc sạch bóng cỏ lần 2 là 4.425.000 đồng; trả thuốc sạch bóng cỏ lần 3 là 7.750.000 đồng. Tổng cộng trả 23.800.000 đồng.

Ngoài ra, ông còn đặt cọc tiền làm nhãn thuốc là 71.000.000 đồng. Trong đó, nhãn thuốc Left là 6.000.000 đồng, nhãn thuốc Ram vàng là 10.000.000 đồng, nhãn thuốc Tusumi là 5.000.000 đồng, nhãn thuốc Tamexco là 50.000.000 đồng. Sau khi trừ đi số nợ 153.617.000 đồng thì ông còn trả dư cho Công ty số tiền 357.669.000 đồng.

Trước yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn U, ông Võ Thành T - Chủ hộ kinh doanh H không đồng ý.

Tại phiên tòa ông Võ Thành C cho rằng ông là cha ruột của ông Võ Thành T, Hộ kinh doanh H do ông Võ Thành T đứng tên đăng ký kinh doanh, H2 cũng của ông T nhưng nhờ em gái là Võ Thị Trâm A đứng tên dùm nhưng khi giao nhận hàng và tiền thì kho nào đặt hàng thì giao hàng và giao tiền tại kho đó.

Ông thống nhất tất cả lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn. Ông trình bày bổ sung: Ông T là người ký biên bản đối chiếu về việc xác nhận lượng hàng và công nợ theo hợp đồng số 10/LA tính đến ngày 07/7/2016 còn thiếu Công ty số tiền 544.187.000 đồng nhưng đã trả xong. Đối với 03 biên nhận trả tiền ngày 19/01/2018, 20/3/2018, 25/02/2019 và trả lại thuốc hiện đã đối chiếu xong với Công ty nên không có ý kiến. Đối với số tiền 113.280.000 đồng theo biên nhận ngày 16/01/2018 ông T trả tiền tại kho Hai Hiếu 18 nhưng Công ty chưa trừ nên hiện ông T không còn thiếu Công ty số tiền nào nữa, không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của Công ty.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T trình bày: Ông là nhân viên của Công ty TNHH U, vào ngày 16/01/2018 ông có giao hàng theo phiếu ứng hàng ngày 15/01/2018 cho Hai Hiếu 2 20 thùng SIEUCHECK 700WP 20gam + 11 thùng bia Heniken + 02 thùng côca ở thị trấn Thạnh Hóa, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An. Ông Võ Thành T có ký nhận hàng nhưng ông T yêu cầu ông giao hàng tại H và nhận tiền với số tiền 113.280.000 đồng nên ông có ký nhận tiền theo biên nhận ngày 16/01/2018 tại Hai Hiếu 18.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Trâm A - Chủ hộ kinh doanh H do ông Võ Thành C làm đại diện trình bày: H2 cũng của ông Võ Thành T có nhờ em gái là Võ Thị Trâm A đứng tên đăng ký kinh doanh dùm nhưng khi giao nhận hàng và tiền thì kho nào đặt hàng thì giao hàng và giao tiền tại kho đó. Từ trước đến nay H2 không thiếu Công ty khoản tiền nào. Còn tiền cọc nhãn do H2 đặt cọc, hiện còn dư số tiền 53.501.000 đồng và nay cũng đồng ý cấn trừ cho Công ty với số tiền 53.501.000 đồng. Đối với chữ ký tại phiếu ứng hàng ngày 15/01/2018 của H2 là chữ ký của Võ Thành T, số tiền của phiếu ứng hàng này T đã trả xong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận, bị đơn có nơi đăng ký kinh doanh tại ấp K, xã T, huyện V, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Các đương sự không ai yêu cầu áp dụng nên căn cứ Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không áp dụng các quy định về thời hiệu trong vụ án này.

[3] Về nội dung khởi kiện:

[3.1] Giữa Công ty TNHH U (gọi tắt là Công ty) và ông Võ Thành T thống nhất tổng số nợ cũ và những đơn hàng mới nhập là 2.782.171.000 đồng, ông T có trả cho Công ty số tiền 2.628.544.000 đồng nên còn số tiền 153.617.400 đồng. Tình tiết này được các bên thừa nhận nên không cần phải chứng minh. Tại đơn khởi kiện, Công ty yêu cầu ông T trả 153.617.400 đồng tiền mua thuốc bảo vệ thực vật cùng tiền lãi, tại phiên tòa chỉ yêu cầu ông T trả số tiền 100.116.400 đồng và lãi là thuộc trường hợp thay đổi yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét 100.116.400 đồng tiền hàng và tiền lãi. Số tiền cọc nhãn 53.501.000 đồng hai bên thống nhất là của H2 và đồng ý tự cấn trừ vào số tiền khởi kiện của Công ty, các bên không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

[3.2] Ông Võ Thành T cho rằng đã trả cho Công ty số tiền 434.496.000 đồng, tiền đặt cọc nhãn 71.000.000 đồng và 23.800.000 đồng tiền thuốc trả lại, tổng cộng số tiền 529.296.000 đồng Công ty chưa trừ cho ông. Nhưng tại phiên tòa người đại diện cho rằng chỉ còn số tiền 113.280.000 đồng chưa trừ. Xét chứng cứ do bị đơn cung cấp: Biên nhận ngày 16/01/2018, Tòa án yêu cầu bị đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện ông T có đặt hàng từ Công ty đối với biên nhận nhận tiền ngày 16/01/2018 và cung cấp biên nhận nhận tiền của H2 đối với phiếu ứng hàng ngày 15/01/2018 thì phía người đại diện của bị đơn cho rằng ông T không còn giữ phiếu ứng hàng đối với biên nhận ngày 16/01/2018 và H2 không còn giữ biên nhận đối với phiếu ứng hàng ngày 15/01/2018.

[3.2] Phía Công ty thừa nhận có nhận tiền như bị đơn trình bày nhưng là do H2 mua hàng và đã trả tiền đầy đủ, hiện nay H2 không còn nợ và Công ty xuất trình các phiếu ứng hàng đối với 4 lần trả tiền theo biên nhận phía bị đơn đưa ra, còn bị đơn không chứng minh được có việc nhận hàng từ Công ty đối với biên nhận nhận tiền ngày 16/01/2018.

[3.3] Ông Lê Văn T thừa nhận là chở hàng theo phiếu ứng hàng cho H2, ông T ký nhận hàng nhưng yêu cầu giao hàng và nhận tiền tại kho H và ông C thừa nhận H2 là của ông T, chữ ký trong phiếu ứng hàng ngày 15/01/2018 là của ông T nên có căn cứ khẳng định biên nhận ngày 16/01/2018 ông T nhận 113.280.000 đồng là của phiếu ứng hàng ngày 15/01/2018 của H2.

[3.4] Từ những phân tích nêu trên có căn cứ khẳng định Công ty khởi kiện yêu cầu ông Võ Thành T trả số tiền 100.116.400 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3.5] Đối với số tiền lãi Công ty yêu cầu ông T phải trả: Do số nợ được hai bên đối chiếu từ ngày 07/7/2016, ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty yêu cầu tính lãi 1% đối với số tiền phải trả từ ngày 07/7/2016 đến nay là phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật Thương mại nên được chấp nhận. Tiền lãi được tính cụ thể: 100.116.400 đồng x 1% x 50 tháng 07 ngày = 50.291.804 đồng.

Nên ông Võ Thành T có nghĩa vụ phải trả cho Công ty 100.116.400 đồng tiền mua hàng và 50.291.804 đồng tiền lãi, tổng số tiền phải trả là 150.408.204 đồng.

[4] Về án phí: Công ty trách nhiệm hữu hạn U được chấp nhận yêu cầu nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí. Ông Võ Thành T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 184 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 24, 50, 55, 306 Luật Thương mại; Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn U về việc yêu cầu ông Võ Thành T- Chủ hộ kinh doanh H trả số tiền 150.408.204 đồng.

Buộc ông Võ Thành T - Chủ hộ kinh doanh H Trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn U số tiền 150.408.204 đồng. Trong đó 100.116.400 đồng tiền mua thuốc bảo vệ thực vật và 50.291.804 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Buộc ông Võ Thành T - Chủ hộ kinh doanh H phải nộp 7.520.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Hoàn lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn U 5.765.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng ngày 21/7/2020 theo biên lai thu số 0002609.

Báo cho đương sự được biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- CCTHADS huyện Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị The